

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 11 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 136/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP của Chính phủ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 352/TTr-SNNMT ngày 27/10/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2025, bãi bỏ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng tỉnh Bắc Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đã ký**  
**Đào Quang Khải**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

### Một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025  
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

#### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản, bản đồ chuyên ngành nêu tại Điều 4 Quy định này trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh của quân đội nhân dân và công an nhân dân.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

##### Điều 3. Điều kiện hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức phải có giấy phép hoạt động, cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do cơ quan có thẩm quyền cấp và đang còn hiệu lực mới được tham gia hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào sử dụng làm tài liệu giải quyết các thủ tục hành chính, phục vụ quản lý nhà nước phải được đơn vị tư vấn giám sát kiểm tra xác nhận chất lượng, được chủ đầu tư nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng.

3. Bản đồ (hoặc sản phẩm kèm theo) phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu trữ, lưu hành sử dụng. Trường hợp xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13.

Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, cho phép bằng văn bản thì không được sử dụng, phát hành hay niêm yết tại trụ sở hoặc nơi công cộng.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

#### **Điều 4. Các hoạt động đo đạc và bản đồ**

##### **1. Hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản**

a) Xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000; thành lập và cập nhật hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000.

##### **b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính:**

Đo đạc, thành lập bản đồ, phục vụ lập hồ sơ địa giới hành chính và đo đạc, cắm mốc địa giới hành chính các cấp;

Đo đạc, chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa giới hành chính theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; đo đạc phục vụ giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính các cấp.

##### **2. Hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành**

a) Thiết lập hệ thống số liệu mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành.

b) Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính.

c) Thành lập và hiện chỉnh bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp xã.

d) Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng, bản đồ công trình ngầm.

đ) Đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Xây dựng, vận hành công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành (mốc đo đạc chuyên ngành; trạm định vị vệ tinh chuyên ngành).

g) Thành lập tập bản đồ; đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản này.

### **Điều 5. Đo đạc và thành lập các loại bản đồ**

#### 1. Cơ sở toán học

a) Thực hiện theo Điều 3, 4, 5 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính và Điều 5 Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000.

b) Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72, hệ tọa độ tự do hoặc hệ tọa độ chuyên ngành khác khi sử dụng phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục  $107^{\circ}00'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ . Đối với những công trình triển khai thực hiện sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục  $107^{\circ}00'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ .

#### 2. Tỷ lệ bản đồ

Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng, bản đồ chuyên ngành căn cứ theo yêu cầu công việc, nhiệm vụ cụ thể.

Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa chính phải đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT.

#### 3. Nội dung bản đồ

a) Bản đồ địa hình, bản đồ nền địa lý và các loại bản đồ chuyên ngành thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan chuyên ngành.

#### b) Bản đồ địa chính

Nội dung trình bày bản đồ đối với các sản phẩm bản đồ địa chính theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Đối với trường hợp đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng; đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác thì phải thể hiện trọn thửa đất có ảnh hưởng bởi chỉ giới dự án để thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa chính.

c) Bản đồ hiện trạng địa hình

Thể hiện các yếu tố của bản đồ địa hình, đồng thời thể hiện yếu tố địa chính, gồm: Ranh giới các thửa đất, chỉ giới về quy hoạch hoặc chỉ giới thực hiện dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (nếu có) để phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội.

4. Mẫu khung và trình bày khung bản đồ

a) Bản đồ địa chính thực hiện theo mẫu quy định tại mục III Phụ lục 22 kèm theo Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung bởi điểm a khoản 8 Điều 10 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT.

b) Bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục D ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 8 Điều 4 Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT được đơn vị thi công xác nhận thực hiện, đơn vị giám sát kiểm tra xác nhận chất lượng, chủ đầu tư xác nhận nghiệm thu sản phẩm.

c) Các loại bản đồ chuyên ngành khác thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**Điều 6. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ**

1. Nguyên tắc

a) Các công trình, dự án đo đạc và bản đồ phải lập, thẩm định và được phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ làm căn cứ trước khi lựa chọn đơn vị thi công, đơn vị giám sát, kiểm tra để tổ chức thực hiện.

b) Các dự án, công trình đạc bản đồ địa hình có diện tích dưới 02 ha, đo đạc bản đồ địa chính dưới 05 ha, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính có biên động ranh giới

dưới 300 thửa và trích đo bản đồ địa chính theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 4, Nghị định số 101/2024/NĐ-CP Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai thì lập phương án nhiệm vụ.

c) Chủ đầu tư sử dụng lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện và năng lực được Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trong đó: có nội dung Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ để Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ;

d) Việc lập dự toán kinh phí đối với ngân sách Nhà nước phải dựa trên đơn giá đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

## 2. Nội dung

a) Nội dung thiết kế kỹ thuật - dự toán lập theo quy định tại Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này.

b) Nội dung của phương án nhiệm vụ lập theo quy định tại Mẫu số 02 kèm theo Quyết định này.

## **Điều 7. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ**

1. Đối với thiết kế kỹ thuật - dự toán sử dụng ngân sách Nhà nước

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định nội dung kỹ thuật.

b) Sở Tài chính thẩm định nội dung dự toán.

c) Cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

2. Đối với thiết kế kỹ thuật - dự toán không sử dụng ngân sách Nhà nước

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định nội dung kỹ thuật theo đề nghị của Cơ quan quyết định đầu tư.

b) Cơ quan quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định hoặc thuê đơn vị có năng lực để thẩm định dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ.

3. Đối với phương án nhiệm vụ.

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 4 Nghị định 101/2024/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các trường hợp còn lại chủ đầu tư tự thẩm định trước khi phê duyệt.

#### 4. Căn cứ thẩm định

a) Thành phần hồ sơ: 02 quyển Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ (kèm theo: Hồ sơ năng lực tổ chức lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ; báo cáo khảo sát; bản đồ khoanh vẽ và các hồ sơ tài liệu sử dụng trong quá trình khảo sát; file số bản thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ; các văn bản sử dụng làm căn cứ để lập). Hoặc tệp tin định dạng \*.pdf kèm theo dữ liệu véc tơ của thành phần hồ sơ nêu trên.

b) Nội dung thẩm định: Thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT; khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT.

#### c) Thời gian thẩm định

Thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán, Phương án nhiệm vụ không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ sản phẩm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này. Thời gian thẩm định Thiết kế kỹ thuật, phương án nhiệm vụ không quá 10 (mười) ngày làm việc; thời gian thẩm định dự toán của Thiết kế kỹ thuật, phương án nhiệm vụ không quá 5 (năm) ngày làm việc.

### **Điều 8. Kiểm tra và xác nhận sản phẩm**

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (hoặc người đứng đầu đơn vị được Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ủy quyền) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (nếu có) tổ chức kiểm tra hồ sơ, ban hành Thông báo kết quả kiểm tra không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; xác nhận sản phẩm bản đồ địa chính theo quy định.

2. Các tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có chức năng kiểm tra phải có trách nhiệm kiểm tra, ký xác nhận chất lượng sản phẩm, bản đồ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra và xác nhận các sản phẩm bản đồ

theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP hoặc thực hiện theo ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã kiểm tra và xác nhận các sản phẩm bản đồ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP hoặc thực hiện theo ủy quyền.

5. Căn cứ để xác nhận sản phẩm, bao gồm:

- a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng cấp chủ đầu tư;
- b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng cấp đơn vị thi công;
- c) Sản phẩm đo đạc và bản đồ dạng giấy sau khi đã được đơn vị tư vấn giám sát kiểm tra, ký xác nhận chất lượng;
- d) Bản thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ kèm theo quyết định phê duyệt.
- e) Bản ghi dữ liệu số của các sản phẩm nêu trên.

#### **Điều 9. Giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thành lập theo quy định này được giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai) để quản lý, lưu trữ, cập nhật, cung cấp, khai thác theo quy định.

2. Sản phẩm, dữ liệu giao nộp được quy định trong thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt.

3. Trình tự giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Sản phẩm giao nộp phải được thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị kiểm tra chất lượng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có) ký tên, đóng dấu xác nhận trong các tài liệu theo quy định, được Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ trước khi nhập kho và lập biên bản (hoặc phiếu nhập kho) sau khi nhập kho.

b) Đơn vị thi công có trách nhiệm trực tiếp giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ, thông báo bằng văn bản về việc giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường

(đơn vị tiếp nhận là Văn phòng đăng ký đất đai) trước 05 (năm) ngày làm việc để chuẩn bị các điều kiện tiếp nhận. Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm nhận sản phẩm đồng thời lập biên bản giao nộp sản phẩm (hoặc phiếu nhập kho) với đơn vị thi công làm căn cứ thanh toán, quyết toán công trình.

c) Mẫu Biên bản thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Phụ lục số 20 của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT (đối với sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính) và Mẫu số 15, Phụ lục 3 của Thông tư số 24/2018/TT- BTNMT (đối với sản phẩm đo đạc và bản đồ địa hình).

d) Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đơn vị thi công về địa điểm, phương thức giao nhận sản phẩm, bố trí đủ lực lượng để tiếp nhận sản phẩm chậm nhất không quá 02 (hai) ngày làm việc.

đ) Văn bản xác nhận việc giao nộp lưu trữ hoặc phiếu nhập kho của Văn phòng đăng ký đất đai là căn cứ để thanh toán, quyết toán công trình và dự án đo đạc và bản đồ.

### **Điều 10. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ**

Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

## **CHƯƠNG III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước**

##### **1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá về đo đạc và bản đồ theo Định mức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thẩm định Thiết kế kỹ thuật theo quy định tại Điều 7; kiểm tra hồ sơ và xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ và của các Bộ, ngành khác;

c) Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định;

d) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung hoặc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ của các tổ chức và cá nhân theo quy định; cấp mới, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II theo quy định tại Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14;

đ) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; tiếp nhận, lưu trữ, cập nhật, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường bàn giao;

e) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh thuộc tỉnh; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật;

g) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền;

h) Hướng dẫn hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

i) Quản lý, cung cấp, cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

k) Cung cấp hồ sơ, thông tin đất đai, tài sản gắn liền với đất;

## 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền phổ biến đến mọi công dân có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Thực hiện tốt công tác quản lý, triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc, bản đồ tại địa phương;

c) Phối hợp với các ngành để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan cắm mốc giới và bàn giao đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt;

e) Quản lý, bảo vệ, hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định (trước ngày 15 tháng 12 hàng năm).

g) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo thẩm quyền được phân cấp quản lý.

h) Phối hợp với đơn vị thi công và đơn vị giám sát, kiểm tra, Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện đến khi hoàn thành thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các Sở, ban, ngành phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong lập, thẩm định, triển khai, nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, công trình đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

### **Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời thông tin, phản ánh (bằng văn bản) qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

<b>TT</b>	<b>Mẫu số</b>	<b>Nội dung</b>
1	Mẫu số 01	Đề cương thiết kế kỹ thuật - dự toán
2	Mẫu số 02	Đề cương phương án nhiệm vụ

**Mẫu số 01: Đề cương Thiết kế kỹ thuật - dự toán****ĐỀ CƯƠNG  
THIẾT KẾ KỸ THUẬT - DỰ TOÁN**

- 1) Sự cần thiết;
  - 2) Cơ sở pháp lý;
  - 3) Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ;
  - 4) Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất của địa phương nơi thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính;
  - 5) Tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tài liệu đo đạc và bản đồ, gồm bản đồ địa chính, trích đo bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, tài liệu ảnh, các loại tài liệu, bản đồ khác và hồ sơ địa giới đơn vị hành chính;
  - 6) Hiện trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính của cơ quan có chức năng quản lý đất đai của địa phương và các đơn vị thuộc nếu có;
  - 8) Xác định khối lượng từng hạng mục công việc;
- Đối với trường hợp lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp quy định tại Điều 181 Luật Đất đai thì căn cứ tình hình thực tế, xác định các vị trí, khu vực, số lượng và mật độ mốc ranh giới cần thực hiện cắm trên thực địa.
- 9) Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;
  - 10) Dự toán kinh phí;
  - 11) Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện;
  - 12) Đóng gói, giao nộp sản phẩm;
  - 13) Tổ chức thực hiện.

**Mẫu số 02: Đề cương Phương án nhiệm vụ****ĐỀ CƯƠNG  
PHƯƠNG ÁN NHIỆM VỤ**

1. Phương án nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính được lập trên cơ sở đánh giá, phân tích các tài liệu, số liệu, thông tin có liên quan đến nhiệm vụ.

2. Nội dung chính của phương án nhiệm vụ gồm:

- a) Căn cứ lập phương án nhiệm vụ;
- b) Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ;
- c) Xác định khối lượng từng hạng mục công việc;
- d) Giải pháp kỹ thuật thực hiện.

Đối với trường hợp trích đo bản đồ địa chính thì trong phương án nhiệm vụ phải có giải pháp biên tập mảnh bản đồ địa chính có thửa đất trích đo và mảnh trích đo bản đồ địa chính;

- đ) Kinh phí thực hiện;
- e) Ký xác nhận sản phẩm, đóng gói, giao nộp;
- g) Tổ chức thực hiện.